

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TECHCOM NĂM 2015

1. Thông tin về quỹ

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ: **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom** (Quỹ mở)

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập trên cơ sở đánh giá, lựa chọn các tài sản có chất lượng tốt, phân bổ danh mục hợp lý và tối thiểu hóa rủi ro cho Nhà Đầu tư.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có):

Tuân thủ theo các hạn mức đầu tư của Quỹ mở quy định tại Thông tư 183/2011/TT-BTC ban hành ngày 16/12/2011 hướng dẫn về thành lập và quản lý quỹ mở.

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ các năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành: tính tới thời điểm 31/12/2015: 6.089.736,03 CCQ

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có): Không có

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo (nếu có):

Đại hội Nhà Đầu Tư theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản vào ngày 31/08/2015 đã thống nhất thông qua các nội dung sau:

Nội dung 1:

i) Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ;

ii) Chỉ định công ty quản lý Quỹ là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương;

iii) Chỉ định ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)

Nội dung 2:

Thông qua việc không tổ chức Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên lần thứ nhất.

Nội dung 3:

i) Danh sách các thành viên Ban đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2015-2018 như sau:

- Ông Nguyễn Xuân Minh
- Ông Phan Lê Hòa
- Bà Nguyễn Thị Vĩnh Hà
- Ông Đặng Thế Đức

ii) Việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Xuân Minh là Chủ tịch Ban đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2015-2018

iii) Mức thù lao cho các thành viên Ban đại diện Quỹ là 0 đồng/quý/người

Nội dung 4:

i) Danh sách các thành viên điều hành Quỹ nhiệm kỳ 2015-2018;

- Ông Phí Tuấn Thành
- Bà Nguyễn Thị Trà My

ii) Bổ nhiệm ông Phí Tuấn Thành là Trưởng ban điều hành Quỹ nhiệm kỳ 2015-2018;

iii) Mức thù lao cho ban điều hành Quỹ là 0 đồng/quý/người.

Nội dung 5:

Ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ các nội dung sau:

- Lựa chọn và quyết định Công ty kiểm toán năm 2015 cho Quỹ.
- Phê duyệt chính sách định giá và các thay đổi trong chính sách của Quỹ đảm bảo phù hợp với quy định.

Nội dung 6:

Thông qua và ủy quyền cho ông Đặng Lưu Dũng ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát, Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) và Hợp đồng đại lý chuyển nhượng với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở;

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ

Thông tin về danh mục đầu tư

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2015 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	Tỷ lệ %/Tổng giá					
1	Tập đoàn Bảo Việt	BVH	85.000	53.000	4.505.000.000	7,57%
2	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	DHG	91.410	66.500	6.078.765.000	10,22%
3	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí – CTCP	DPM	90.000	29.100	2.619.000.000	4,40%
4	Công ty Cổ phần FPT	FPT	55.500	48.300	2.680.650.000	4,50%
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	HSG	87.022	31.500	2.741.193.000	4,61%
6	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí	PVD	80.000	26.500	2.120.000.000	3,56%
7	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PVS	160.000	16.700	2.672.000.000	4,49%
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng địa ốc	DXG	148.000	18.900	2.797.200.000	4,70%

8	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng địa ốc Đất Xanh	DXG	148.000	18.900	2.797.200.000	4,70%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	NLG	126.000	22.800	2.872.800.000	4,83%
10	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	VSH	175.160	16.000	2.802.560.000	4,71%
11	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VCB	62.000	43.900	2.721.800.000	4,57%
12	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	91.000	29.200	2.657.200.000	4,47%
13	Công ty Cổ phần Gemadept	GMD	70.000	42.400	2.968.000.000	4,99%
14	Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP	GAS	62.000	36.200	2.244.400.000	3,77%
15	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	VSC	40.000	77.000	3.080.000.000	5,18%
16	Công ty Cổ phần Cao Su Đà Nẵng	DRC	36.000	43.600	1.569.600.000	2,64%
17	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotec	CTD	31.240	153.000	4.779.720.000	8,03%
18	Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh	BMP	21.000	131.000	2.751.000.000	4,62%
19	Công ty Cổ phần đầu tư thể giới di động	MWG	34.000	78.500	2.669.000.000	4,49%
	Tổng		1.545.332		57.329.888.000	96,34%
<i>STT</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>		<i>Số lượng</i>	<i>Giá thị trường tại ngày 31/12/2015 VND</i>	<i>Tổng giá trị VND</i>	<i>Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ</i>
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC				226.051.871	0,38%
1	Phải thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận				225.000.000	
2	Phải thu khác				1.051.871	
	Tổng				226.051.871	0,38%
III	TIỀN				1.949.648.932	3,28%
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở				1.949.648.932	
	Tổng				1.949.648.932	3,28%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC				59.505.588.803	100%

Thông tin về giá trị tài sản ròng của Quỹ

<i>STT</i>	<i>NỘI DUNG</i>	<i>Giai đoạn từ ngày 8 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	-
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	(2.413.827.730)

		<i>Trong đó:</i>	
	II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong kỳ	(2.413.827.730)
	II.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho Nhà Đầu tư trong kỳ	-
III		Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	60.889.798.093
		<i>Trong đó:</i>	
	III.1	Khoản thu từ việc phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng	60.670.000.000
	III.2	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	502.500.000
	III.3	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(282.701.907)
IV		Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	58.475.970.363

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 8 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(1.646.459.000)
2	1.1. Cổ tức được chia		453.500.000
4	1.2. Lãi bán các khoản đầu tư	4	(1.094.206.789)
5	1.3. Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(1.005.752.211)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		140.489.454
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	6	140.489.454
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		626.879.276
20.1	3.1. Phí quản lý quỹ mở		360.829.447
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở		63.942.940
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		82.133.333
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		73.920.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		38.500.000
20.10	3.6. Chi phí hoạt động khác	7	7.553.556
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(2.413.827.730)
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(2.413.827.730)
31	6.1. Lỗ đã thực hiện		(1.408.075.519)
32	6.2. Lỗ chưa thực hiện		(1.005.752.211)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-
41	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(2.413.827.730)

c) Các chỉ tiêu so sánh khác

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn từ ngày 8 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động	
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,59%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS và VSD/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,24%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,19%
4	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	1,03%
5	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ(%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ/2	76,97%
II	Các chỉ tiêu khác	
1	Quy mô quỹ đầu kỳ	
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	-
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	-
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ	
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu	6.067.000,00
	Giá trị vốn huy động từ đợt phát hành lần đầu (theo mệnh giá)	60.670.000.000
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ	50.215,30
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	502.153.000
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ	(27.479,27)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của Nhà Đầu tư (theo mệnh giá)	(274.792.700)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ	
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	60.897.360.300
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	6.089.736,03
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ	0,05%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 Nhà Đầu tư lớn nhất cuối kỳ	99,16%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu tư nước ngoài cuối kỳ	0,05%
7	Số Nhà Đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm, kể cả giao dịch ký danh	82
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ	9.602,38

Ghi chú:

- Các nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng, phương pháp định giá tài sản đã được nêu trong Điều lệ Quỹ.
- Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

- Trong tháng 7, 8/2015 TCC đã tiến hành IPO Quỹ TCEF. Quỹ kết thúc IPO cuối tháng 8/2015 và tiến hành giải ngân cuối tháng 9/2015. Tới thời điểm 31/12/2015, Quỹ đã hoạt động được 4 tháng.
- Các khoản đầu tư lớn của Quỹ
 - > Tại thời điểm 31/12/2015 Quỹ có 5 khoản đầu tư lớn chiếm tỷ trọng gần 40% Tổng giá trị tài sản : (i) 10% đầu tư vào ngành dược, (ii) 8% vào ngành xây dựng, (iii) gần 8% vào ngành bảo hiểm (iv) hơn 5% vào ngành cảng và 5% vào ngành logistics.
 - Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu đầu ngành. Ví dụ như ngành xây dựng Quỹ đầu tư vào cổ phiếu Cotecons (CTD), ngành logistic vào Gemadep (GMD), ngành dược vào Dược Hậu Giang (DHG), và ngành cảng vào Viconship (VSC).
 - > Các khoản đầu tư còn lại chiếm tỷ trọng khoảng 60% giá trị Tổng tài sản được đầu tư vào các ngành Bất động sản, ngân hàng, bán lẻ, logistic, nhựa, thủy điện,... với giá trị mỗi khoản riêng lẻ chiếm tỷ trọng dưới 5%

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ mở đối với các nội dung sau:

- Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 08/09/2015 - ngày thành lập quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát
- Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Theo Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 Hướng dẫn việc thành lập và quản lý Quỹ mở ("Thông tư"), quy định:

(i) Tại Điểm a, Khoản 4, Điều 15:

" Ngoại trừ Quỹ trái phiếu, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ mở phải bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm không được đầu tư quá bốn mươi chín (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng".

Theo khoản 5, Điều 15, Thông tư 183, cơ cấu đầu tư của Quỹ mở được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế quy định tại khoản 4, Điều 15, Thông tư 183 và chỉ do một số nguyên nhân trong đó bao gồm nguyên nhân Quỹ mới được cấp phép thành lập.

Tại các kỳ định giá ngày 16/9 và ngày 23/9, Quỹ chưa thực hiện đầu tư vào chứng khoán

Cho kỳ định giá ngày 7/10/2015, tỷ lệ đầu tư của Quỹ theo điểm a Khoản 4 Điều 15 là 52.01%, phát sinh sai lệch so với hạn mức đầu tư quy định bởi Thông tư. Đến kỳ định giá ngày 13/10/2015, tỷ lệ

đầu tư này của Quỹ là 14.51%, đã khắc phục tình trạng sai lệch hạn mức đầu tư quy định theo Thông tư.

(ii) Tại điểm f, Khoản 4, Điều 15: Tổng giá trị vào các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ.

Tại các kỳ định giá trong năm 2015, tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn của quỹ đã phát sinh sai lệch theo quy định tại Điểm f, Khoản 4, Điều 15, Thông tư 183, chi tiết như sau:

Kỳ định giá	Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn/Tổng tài sản
21/10/2015	42.96%
4/11/2015	42.51%
11/11/2015	42.28%
18/11/2015	41.20%
9/12/2015	42.83%
16/12/2015	42.00%
23/12/2015	42.16%

c) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch:
Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ Quỹ

d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch:

Từ ngày 08/09/2015 - ngày thành lập quỹ đến ngày 31/12/2015, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành lần đầu: số lượng chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu là 6,067,000 chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá là 60,670,000,000 đồng;
- Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: trong kỳ Quỹ phát hành thêm 50,215.30 chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá là 502,153,000 đồng;
- Mua lại chứng chỉ Quỹ: trong kỳ Quỹ mua lại 27,479.27 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 274,792,700 đồng.

Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ của Quỹ tuân theo quy định của pháp luật và điều lệ Quỹ

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ.

Từ ngày 08/09/2015 đến ngày 31/12/2015, Quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

a) Ủy quyền đại lý chuyển nhượng

- Tên đại lý chuyển nhượng: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- Giấy phép hoạt động: Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- GCNĐK hoạt động chuyển nhượng: Quyết định số 2880/QĐ-BTC ngày 22/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- Trụ sở chính: 15 Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: +84 4 39747113 Fax: +84 4 39747120

Biểu phí Đại Lý Chuyển Nhượng

STT	Loại phí	Mức phí (Chưa bao gồm thuế VAT)
1	Phí cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Phí giao dịch (mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản)	
	- Đối với 400 giao dịch đầu tiên:	Miễn phí
	- Đối với giao dịch từ số 401 trở đi:	0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch (Giá trị giao dịch = số lượng Chứng Chỉ Quỹ giao dịch x NAV/Chứng Chỉ Quỹ mà TCC công bố tại ngày giao dịch liền trước)
3	Phí thực hiện quyền	
	- Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 đồng/lần lập danh sách
	- Phân phối cổ tức	Miễn phí

Giai đoạn từ ngày 8 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng của Quỹ là 38.500.000 VND.

Theo đánh giá của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã duy trì được năng lực về nhân sự và hệ thống đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ trong năm 2015.

b) Ủy quyền dịch vụ quản trị quỹ đầu tư

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
- Giấy phép hoạt động: Số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008
- GCNĐK hoạt động lưu ký: 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7/5/2015
- Trụ sở chính: P1810-P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6, Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (+84) 4 3936 8000 Fax: (+84) 4 3938 6321

Biểu phí

STT	Loại phí	Mức phí
1	Phí Ngân Hàng Giám Sát	Phí dịch vụ Giám sát quỹ sẽ là 0,05%/NAV/năm và thấp nhất là 20.000.000 đồng/ tháng.
2	Phí Lưu Ký	Phí Lưu Ký sẽ là 0,03%/NAV/năm và thấp nhất là 12.000.000 đồng/ tháng. Phí giao dịch chứng khoán: 150.000 VND/giao dịch. Mức phí trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v....
3	Phí Quản Trị Quỹ	Phí dịch vụ Quản trị quỹ sẽ là 0,04%/NAV/năm và thấp nhất là 18.000.000 đồng/ tháng.

Số dư trọng yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày dưới đây:

Giai đoạn từ ngày 8
tháng 9 năm 2015 đến
ngày 31 tháng 12
năm 2015

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	VND
Ngân hàng TNHH Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Phí giám sát	82.133.333
		Phí lưu ký	63.942.940
		Phí dịch vụ quản trị Quỹ	73.920.000

Tại ngày 31 tháng 12
năm 2015

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	VND
Ngân hàng TNHH Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	1.949.648.932
		Phí lưu ký phải trả	12.000.000
		Phí giám sát phải trả	22.000.000
		Phí dịch vụ quản trị quỹ phải trả	19.800.000

Theo đánh giá của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương, Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) đã duy trì được năng lực về nhân sự và hệ thống đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ trong năm 2015.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG



Giám đốc
Đặng Lưu Dũng